

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2012

HÀ NỘI, THÁNG 03 NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3655 9257 Fax: (84 - 4) 3873 3648

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 31



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2012.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thép Bắc Việt. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008. Công ty có 3 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 18 tháng 05 năm 2010 thì vốn điều lệ của Công ty là: **108.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm linh tám tỷ đồng).

Danh sách cổ đông sáng lập

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân, trụ sở chính của tổ chức	Số cổ phần
1	Trần Anh Vương	Số 44 Nguyễn Viết Xuân, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	2.173.000
2	Vũ Hữu Trí	P9 - TT144 Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	2.173.000
3	Tạ Thu Hằng	Số 44 Nguyễn Viết Xuân, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	130.000
4	Nguyễn Hữu Bảo	Thôn Bình Trù, xã Dương Quang, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	126.000
5	Phạm Cương	Công ty Thương nghiệp tổng hợp Thái Bình	170.000

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Buôn bán máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá. Môi giới thương mại;
- Sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép. Cán và kéo thép, dây sắt. Tôi thép, mạ kim loại, xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng. Sản xuất gia công phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe gắn máy 2 bánh, 3 bánh;
- Sản xuất các loại máy móc thông dụng phục vụ cho cơ khí, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản, cần trục cầu trục các thiết bị nâng hạ và động cơ;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường;
- Môi giới, tư vấn và kinh doanh bất động sản (không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật và tư vấn về giá đất). Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị;
- Dịch vụ xếp dỡ, bảo quản hàng hoá, cân điện tử. Vận chuyển hàng hoá nội địa bằng ô tô tải, cho thuê xe tải và xe du lịch, máy móc xây dựng và máy văn phòng;
- Đại lý vận tải trong nước và quốc tế, uỷ thác giao nhận, khai thuê hải quan, bưu chính chuyển phát;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm tuyển chọn, cung ứng, giới thiệu nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, đào tạo và chuyển giao công nghệ (không bao gồm tư vấn thiết kế công trình và tư vấn luật, thuế, tài chính);
- Dịch vụ tin học và công nghệ thông tin;
(Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)/.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3655 9257 Fax: (84 - 4) 3873 3648

Văn phòng giao dịch: Số 59 Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), mã chứng khoán: BVG

Các Công ty con của Công ty gồm :

- Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt
Địa chỉ: Km7, quốc lộ 18, xã Phương Liểu, huyện Quê Võ, tỉnh Bắc Ninh
Tel: (84 - 241) 3617 331 Fax: (84 - 241) 3617 332
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt
Địa chỉ: Thôn Tô Hiệu, xã Đông Quang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Tel: (84 - 036) 3759 392 Fax: (84 - 036) 3759 392
- Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt
Địa chỉ: Km 7, Quốc lộ 18, xã Phương Liểu, huyện Quê Võ, tỉnh Bắc Ninh
Tel: (84 - 241) 3617 933 Fax: (84 - 241) 3617 579

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2012 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Anh Vương	Chủ tịch
Ông Vũ Hữu Trí	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Thành viên
Ông Đặng Đức Dũng	Thành viên
Ông Lê Quốc Hùng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Anh Vương	Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Cường	Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo các quy định pháp lý hiện hành đối với công ty đại chúng. Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Nghị định 36/2007/NĐ-CP ngày 08/03/2007 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT



Trần Anh Vương

Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2013



Số: 134...-13/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính năm 2012
của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 được lập ngày 24 tháng 02 năm 2013 của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 07 đến trang 31 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Chúng tôi xin lưu ý, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán là Báo cáo riêng của nhà đầu tư, do đó các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Giới hạn kiểm toán

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2011 đã có ý kiến ngoại trừ về việc ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính 27.456.730.000 đồng tăng phải thu khác 48.000.000.000 đồng, giảm khoản đầu tư vào công ty con 20.543.270.000 đồng từ việc chuyển nhượng 2.000.000 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần kim khí Bắc Việt cho Ông Nguyễn Văn Mừng. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cũng như không thu thập được thêm các bằng chứng kiểm toán để lượng hóa ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ nêu trên. Theo đó chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về vấn đề nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của giới hạn kiểm toán (nếu có) nêu trên xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2012:

a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và

b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Tuy nhiên chúng tôi xin lưu ý:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 ngày 18/5/2010 thì vốn điều lệ của Công ty là 108.000.000.000 đồng. Tuy nhiên đến thời điểm 31/12/2012 vốn thực góp của các cổ đông là 97.509.480.000 đồng, số vốn góp thiếu là 10.490.520.000 đồng. Do đó phần chi phí lãi vay của phần vốn vay tương ứng với phần vốn góp thiếu sẽ không được coi là chi phí hợp lý, hợp lệ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Báo cáo kiểm toán được lập thành mười (10) bản bằng tiếng Việt và mười (10) bản bằng tiếng Anh. Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt giữ 09 bản tiếng Việt và 09 bản tiếng Anh, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản tiếng Việt và 01 bản tiếng Anh. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn
Tổng giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV

Cao Thị Hà
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1787/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

2022
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		195.107.275.212	183.862.158.943
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		392.190.328	1.213.619.830
1 Tiền	111	V.1.	392.190.328	1.213.619.830
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		176.158.690.690	151.048.136.634
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	127.999.511.278	104.025.921.934
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	-	64.471.397
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	50.356.308.036	48.604.175.344
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.197.128.624)	(1.646.432.041)
IV Hàng tồn kho	140		17.324.213.234	29.142.870.368
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	17.324.213.234	29.142.870.368
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		1.232.180.960	2.457.532.111
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		794.854.080	527.568.544
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	36.483.280	101.904.486
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.3	400.843.600	1.828.059.081
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		73.563.772.570	91.062.060.616
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		1.443.709.141	2.229.315.828
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	1.228.501.409	2.014.108.096
- Nguyên giá	222		12.857.427.124	13.323.299.423
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.628.925.715)	(11.309.191.327)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.6	-	-
- Nguyên giá	228		-	36.900.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(36.900.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7.	215.207.732	215.207.732
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	72.120.063.429	88.832.744.788
1 Đầu tư vào công ty con	251		76.611.205.013	79.396.947.400
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		22.179.936.000	9.282.000.000
3 Đầu tư dài hạn khác	258		4.368.243.996	4.299.798.596
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(31.039.321.580)	(4.146.001.208)
V Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		268.671.047.782	274.924.219.559

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		180.108.839.884	151.029.674.776
I Nợ ngắn hạn	310		180.108.839.884	151.029.674.776
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9.	158.835.088.891	132.306.811.333
2 Phải trả người bán	312	VIII.2.4	14.594.661.131	15.268.267.708
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.5	4.495.086	1.144.356.615
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10.	360.064.911	1.287.554.485
5 Phải trả người lao động	315		187.368.000	34.719.000
6 Chi phí phải trả	316	V.11.	5.056.455.808	201.616.868
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12.	685.925.453	395.496.000
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		384.780.604	390.852.767
II Nợ dài hạn	330		-	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU(400=410+430)	400		88.562.207.898	123.894.544.783
I Vốn chủ sở hữu	410	V.13.	88.562.207.898	123.894.544.783
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		97.509.480.000	97.509.480.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		16.503.370.800	16.503.370.800
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		6.719.029.425	5.997.059.645
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		1.137.798.402	1.041.535.765
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		150.037.319	101.906.000
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(33.457.508.048)	2.741.192.573
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		268.671.047.782	274.924.219.559

Kế toán trưởng



Tạ Thu Hằng

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2013
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Giám đốc



Trần Anh Vương

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.14.	277.261.988.812	400.705.131.292
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		277.261.988.812	400.705.131.292
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.15.	271.477.803.259	385.825.854.836
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		5.784.185.553	14.879.276.456
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.16.	20.431.526.705	28.871.568.975
7 Chi phí tài chính	22	VI.17.	50.105.400.232	29.224.257.907
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.759.443.440	22.550.433.495
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.2.6	-	168.861.754
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.7	10.573.221.447	11.776.383.525
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(34.462.909.421)	2.581.342.245
11 Thu nhập khác	31	VIII.2.8	31.072	65.000.464
12 Chi phí khác	32	VIII.2.9	432.868.274	40.259.242
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(432.837.202)	24.741.222
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(34.895.746.623)	2.606.083.467
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.18.	-	357.609.607
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(34.895.746.623)	2.248.473.860

Kế toán trưởng



Tạ Thu Hằng

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2013
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT



Giám đốc



Trần Anh Vương

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		240.163.875.384	393.193.940.543
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(251.798.629.897)	(364.671.281.016)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.006.380.900)	(2.998.595.104)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(18.295.094.529)	(22.064.312.523)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(104.442.606)	(360.545.962)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.111.780.621	5.270.010.854
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9.671.702.825)	(11.986.950.954)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(37.600.594.752)	(3.617.734.162)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(217.239.095)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(15.180.639.013)	(11.821.788.996)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		5.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.431.526.705	1.040.705.691
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.250.887.692	(10.998.322.400)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		231.554.573.774	319.039.606.879
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(205.026.296.216)	(317.301.477.256)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		26.528.277.558	1.738.129.623
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(821.429.502)	(12.877.926.939)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.213.619.830	14.091.546.769
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	392.190.328	1.213.619.830

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Kế toán trưởng



Tạ Thu Hằng

Giám đốc



Trần Anh Vương

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thép Bắc Việt. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008. Công ty có 3 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 18 tháng 05 năm 2010 vốn điều lệ của Công ty là: **108.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm linh tám tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và sản xuất kết cấu thép.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Buôn bán máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải và hàng thủ công mỹ nghệ;
 - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá. Môi giới thương mại;
 - Sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép. Cán và kéo thép, dây sắt. Tôi thép, mạ kim loại, xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng. Sản xuất gia công phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe gắn máy 2 bánh, 3 bánh;
 - Sản xuất các loại máy móc thông dụng phục vụ cho cơ khí, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản, cần trục cầu trục các thiết bị nâng hạ và động cơ;
 - Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường;
 - Môi giới, tư vấn và kinh doanh bất động sản (không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật và tư vấn về giá đất). Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị;
 - Dịch vụ xếp dỡ, bảo quản hàng hoá, cân điện tử. Vận chuyển hàng hoá nội địa bằng ô tô tải, cho thuê xe tải và xe du lịch, máy móc xây dựng và máy văn phòng;
 - Đại lý vận tải trong nước và quốc tế, uỷ thác giao nhận, khai thuê hải quan, bưu chính chuyển phát;
 - Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm tuyển chọn, cung ứng, giới thiệu nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
 - Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
 - Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, đào tạo và chuyển giao công nghệ (không bao gồm tư vấn thiết kế công trình và tư vấn luật, thuế, tài chính);
 - Dịch vụ tin học và công nghệ thông tin;
- (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)/.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3655 9257 Fax: (84 - 4) 3873 3648

Văn phòng giao dịch: Số 59 Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 tại thuyết minh số VI.21.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Riêng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – "Báo cáo bộ phận" chưa được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Misa.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:* Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.
- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho :* Phương pháp kê khai thường xuyên

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**3.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm >**

Nhà cửa vật kiến trúc	6
Máy móc, thiết bị	5 - 6
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

3.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm kế toán Misa và phần mềm quản lý Easy.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm >**

Phần mềm máy vi tính

4

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Khi giá trị thuần của có thể thực hiện được của các khoản đầu tư dài hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Tại thời điểm 31/12/2012, đối với các khoản đầu tư dài hạn Công ty đã tiến hành trích lập bổ sung dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 – Chi phí đi vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau là công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay, được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng vay, thời gian và lãi suất vay.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2012****(tiếp theo)****9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm thép, xà gỗ, kết cấu thép, doanh thu gia công kết cấu thép, cắt thép và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, căn cứ vào thông báo chia cổ tức, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**12.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng của bên bán.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2012****(tiếp theo)**

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo thông tư 228/2009/TT - BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

12.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các chi phí thực tế để mua sắm và xây dựng của dự án Logistic Bắc Ninh, dự án Trường đại học Công nghệ Lý Thái Tổ được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp

12.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

12.4 Các nghĩa vụ về thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với sản phẩm thép và gia công thép và các mặt hàng khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

12.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	14.158.518	133.200.830
Tiền gửi ngân hàng	378.031.810	1.080.419.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Tiền VND	286.678.048	1.068.793.170
-Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam -CN Hà Nội	1.394.319	34.322.885
-Ngân hàng NN&PT Nông thôn	4.923.976	5.565.226
-Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	7.092.300	846.638.132
-Ngân hàng Indovina -CN Đống Đa	14.754.991	75.078.296
-Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đống Hà Nội	257.008.831	-
-Ngân hàng đầu tư và phát triển VN - CN Hà Thành	1.503.631	107.188.631
Tiền ngoại tệ	91.353.762	11.625.830
-Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam -CN Hà Nội	2.794.301	2.789.494
-Ngân hàng đầu tư và phát triển VN - CN Hà Thành	3.097.710	2.555.236
-Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Thăng Long	81.261.590	2.092.381
-Ngân hàng NN&PT Nông thôn - PGD Nam Đô	4.200.161	4.188.719
Cộng	392.190.328	1.213.619.830
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu khác	50.356.308.036	48.604.175.344
- Nguyễn Ngọc Mẫn	171.308.036	171.308.036
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	2.650.000.000	-
- Ông Nguyễn Văn Mừng	47.520.000.000	48.000.000.000
- Các đối tượng khác	15.000.000	432.867.308
Cộng	50.356.308.036	48.604.175.344
3. Hàng tồn kho	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.212.980	-
Công cụ, dụng cụ	20.250.000	25.920.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.797.877.278	1.130.920.799
Thành phẩm	60.736.379	757.694.946
Hàng hoá	15.440.136.597	27.228.334.623
Cộng giá gốc hàng tồn kho	17.324.213.234	29.142.870.368
<i>Toàn bộ hàng tồn kho đã được thế chấp để vay vốn ngân hàng.</i>		
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.483.280	101.904.486
Cộng	36.483.280	101.904.486

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2012	1.996.114.081	5.188.931.422	5.564.286.764	573.967.156	13.323.299.423
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(68.518.571)	-	(397.353.728)	(465.872.299)
Số dư ngày 31/12/2012	1.996.114.081	5.120.412.851	5.564.286.764	176.613.428	12.857.427.124
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2012	1.975.938.536	4.570.407.987	4.227.443.412	535.401.392	11.309.191.327
Khấu hao trong năm	20.175.545	196.376.064	531.407.088	37.647.990	785.606.687
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(68.518.571)	-	(397.353.728)	(465.872.299)
Số dư ngày 31/12/2012	1.996.114.081	4.698.265.480	4.758.850.500	175.695.654	11.628.925.715
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2012	20.175.545	618.523.435	1.336.843.352	38.565.764	2.014.108.096
Tại ngày 31/12/2012	-	422.147.371	805.436.264	917.774	1.228.501.409

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.036.818.281 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

6. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán Misa	Phần mềm quản lý Easy Biz	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2012	10.400.000	26.500.000	36.900.000
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	(10.400.000)	(26.500.000)	(36.900.000)
Số dư ngày 31/12/2012	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2012	10.400.000	26.500.000	36.900.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	(10.400.000)	(26.500.000)	(36.900.000)
Số dư ngày 31/12/2012	-	-	-
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2012	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	-	-	-

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

31/12/2012

01/01/2012

VND

VND

Dự án Logistis Bắc Ninh và Công nghệ Lý Thái Tổ

215.207.732

215.207.732

Cộng

215.207.732

215.207.732

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

8.1 Đầu tư vào Công ty con

Tỷ lệ phần trăm biểu quyết

Tỷ lệ phần trăm vốn

31/12/2012

01/01/2012

VND

VND

Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	100%	100%	31.000.000.000	31.000.000.000
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Bắc Việt	90%	90%	12.361.205.013	15.896.947.400
Công ty Cổ phần Công Nghệ Bắc Việt	80,6%	80,6%	33.250.000.000	32.500.000.000
Cộng			76.611.205.013	79.396.947.400

8.2 Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

Tỷ lệ phần trăm vốn

31/12/2012

01/01/2012

VND

VND

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Thương Mại Bắc Việt 34% 6.222.000.000 6.222.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư & Công nghệ Hưng Việt	25%	3.060.000.000	3.060.000.000
Công ty Nippon Steel & Sumikin	24%	12.897.936.000	-
Cộng		22.179.936.000	9.282.000.000

8.3 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Đầu tư dài hạn khác	-	4.368.243.996	-	1.452.457.000
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>				
Công ty Cổ phần Xây dựng Hanel	-	1.452.457.000	-	1.452.457.000
Công ty TNHH MTV LIM ROYAL	-	2.915.786.996	-	2.847.341.596
Cộng	-	4.368.243.996	-	4.299.798.596

8.4 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	(12.770.162.716)	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Bắc Việt	(18.269.158.864)	(4.146.001.208)
Cộng	(31.039.321.580)	(4.146.001.208)

9. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn	158.835.088.891	132.306.811.333
<i>VND</i>		
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Thăng Long(1)	70.874.309.312	61.293.847.000
- Ngân hàng Indovina - PGD Mỹ Đình	-	32.617.000.000
- Vũ Hồng Thủy	1.745.021.913	1.743.400.830
- Nguyễn Vũ Giang	82.749.709	85.067.465
- Vũ Thị Thu Hà	-	229.182.602
- Các đối tượng khác	3.696.791.157	983.511.102
<i>USD</i>		
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Thăng Long (2)	20.004.740.000	19.890.740.000
- Ngân hàng Indovina -CN Đống Đa(3)	62.431.476.800	14.558.772.000
- Lê Thị Tuyết	-	905.290.334
Cộng	158.835.088.891	132.306.811.333

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 170.107/HĐHM/NH-PN/PGBTL.11 ký ngày 10/05/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Đến thời điểm 31/12/2012 trong tổng số vay bằng VND có 15.813.800.000 đồng đã gia hạn thanh toán và đã quá hạn thanh toán có 14.874.309.312 đồng.

(2) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 170.107/HĐHM/NH-PN/PGDTL.11 ký ngày 10/05/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Đến thời điểm 31/12/2012 trong tổng số vay bằng USD có 959.000USD đã quá hạn thanh toán.

(3) Theo HĐ hạn mức tín dụng số 019/IVBMD - HĐHM/2012 kí ngày 27/03/2012, hạn mức 3.000.000 USD, mục đích vay là sử dụng để tài trợ một phần vốn lưu động của Bên Vay, Lãi suất áp dụng cho khoản vay sẽ được xác định tại thời điểm giải ngân, lãi suất tại thời điểm 27/3 là 19,5%/1 năm với VND và 6,8%/1 năm với USD. Tài sản đảm bảo là : Quyền sử dụng đất 42.350 m2 tại Cụm khu công nghiệp Vinashin Đình Vũ, Hải Phòng có tổng giá trị là : 13.600.878.958 VND và toàn bộ hàng hóa tồn kho của công ty hình thành từ nguồn vốn vay ngân hàng Indovina.

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế GTGT đầu ra	218.405.435	1.282.670.003
Thuế thu nhập cá nhân	141.659.476	4.884.482
Cộng	360.064.911	1.287.554.485
11. Chi phí phải trả	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí lãi vay	5.056.455.808	201.616.868
Cộng	5.056.455.808	201.616.868
12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	44.406.204	33.000.604
Bảo hiểm xã hội	214.377.344	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	427.141.905	362.495.396
Cộng	685.925.453	395.496.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2011	97.509.480.000	16.503.370.800	2.531.760.576	116.544.611.376
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	1.348.473.860	1.348.473.860
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lợi nhuận từ công ty con	-	-	900.000.000	900.000.000
Phân phối các quỹ	-	-	(2.039.041.863)	(2.039.041.863)
Chia cổ tức	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2011	97.509.480.000	16.503.370.800	2.741.192.573	116.754.043.373
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	(34.895.746.623)	(34.895.746.623)
Lợi nhuận từ công ty liên kết	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	(962.626.373)	(962.626.373)
Giảm khác	-	-	(340.327.625)	(340.327.625)
Số dư tại ngày 31/12/2012	97.509.480.000	16.503.370.800	(33.457.508.048)	80.555.342.752

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

31/12/2012

01/01/2012

VND

VND

Vốn góp của các đối tượng khác	97.509.480.000	97.509.480.000
Cộng	97.509.480.000	97.509.480.000

* Số lượng cổ phiếu quỹ: 0

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Năm 2012

Năm 2011

VND

VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	97.500.000.000	97.500.000.000
Vốn góp đầu năm	97.500.000.000	97.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	97.500.000.000	97.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012
(tiếp theo)

đ) Cổ phiếu	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.800.000	10.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

e) Các quỹ của công ty

Đơn vị tính: VND

	01/01/2012	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2012
Quỹ đầu tư phát triển	5.997.059.645	721.969.780	-	6.719.029.425
Quỹ dự phòng tài chính	1.041.535.765	96.262.637	-	1.137.798.402
Quỹ khác thuộc vốn CSH	101.906.000	48.131.319	-	150.037.319
Tổng cộng	7.140.501.410	866.363.736	-	8.006.865.146

*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng 75% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm bằng 10% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là quỹ thưởng ban điều hành của Công ty, được trích lập bằng 05% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

14. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	277.261.988.812	400.705.131.292
Cộng	277.261.988.812	400.705.131.292

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012
(tiếp theo)

15. Giá vốn hàng bán	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá và dịch vụ đã cung cấp	271.477.803.259	385.825.854.836
Cộng	271.477.803.259	385.825.854.836
16. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	25.308.624	140.705.691
Cổ tức, lợi nhuận từ công ty con, công ty liên kết	468.835.532	900.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	23.394.402	111.177.134
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	96.377.549	177.215.810
Lãi cho vay và lãi công nợ phải thu nội bộ	19.817.610.598	-
Lãi từ bán công ty con và chuyển nhượng cổ phiếu	-	27.542.470.340
Cộng	20.431.526.705	28.871.568.975
17. Chi phí tài chính	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	22.759.443.440	22.550.433.495
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	3.895.117	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	311.352.313	5.529.427.688
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	137.388.990	-
Dự phòng đầu tư dài hạn	26.893.320.372	1.144.396.724
Cộng	50.105.400.232	29.224.257.907
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	297.224.711.057	428.741.700.731
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	331.565.431.690	426.698.217.264
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(34.340.720.633)	2.043.483.467
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	510.870.867
Điều chỉnh chi phí thuế TDND năm nay theo thông tư 54/2011/TT - BTC ngày 11/11/2011	-	153.261.260
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	357.609.607
19. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	27.649.851.169
Chi phí nhân công	3.621.650.099	3.575.383.200

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Chi phí khấu hao tài sản cố định	785.606.687	836.934.915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.615.268.078	7.473.220.937
Chi phí khác bằng tiền	550.696.583	7.642.082.691
Cộng	10.573.221.447	47.177.472.912

20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên báo cáo tài chính này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

21. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.9, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	392.190.328	1.213.619.830
Phải thu khách hàng và phải thu khác	176.158.690.690	150.983.665.237
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.368.243.996	4.299.798.596
Tổng cộng	180.919.125.014	156.497.083.663
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	158.835.088.891	132.306.811.333
Phải trả người bán và phải trả khác	15.280.586.584	15.663.763.708
Chi phí phải trả	5.056.455.808	201.616.868
Tổng Cộng	179.172.131.283	148.172.191.909

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2012 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2012 như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	82.706.353.800	48.899.668.223	91.353.762	11.625.830

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tài cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	15.280.586.584	-	15.280.586.584
Chi phí phải trả	5.056.455.808	-	5.056.455.808
Các khoản vay	158.835.088.891	-	158.835.088.891
01/01/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	15.663.763.708	-	15.663.763.708
Chi phí phải trả	201.616.868	-	201.616.868
Các khoản vay	132.306.811.333	-	132.306.811.333

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Nhưng Ban giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	392.190.328	-	392.190.328
Phải thu khách hàng và phải thu khác	176.158.690.690	-	176.158.690.690
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	4.368.243.996	4.368.243.996
01/01/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.213.619.830	-	1.213.619.830
Phải thu khách hàng và phải thu khác	150.983.665.237	-	150.983.665.237
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	4.299.798.596	4.299.798.596

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

21. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm năm 2008	82.606.109	-

VIII Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Giao dịch với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu			
Bán hàng cho Công ty CP Thương mại Bắc Việt	Công ty liên kết	53.285.069.600	96.756.924.430
Bán hàng cho Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt	Công ty con	15.328.737.666	45.233.450.135
Bán hàng cho Công ty TNHH giao nhận vận chuyển Bắc Việt	Công ty con	-	84.000.000
Bán hàng cho Công ty CP Công nghệ Bắc Việt	Công ty con	107.614.072.042	86.740.218.228
Cty TNHH Nippon steel & Sumikin metal products Việt Nam	Công ty liên doanh	558.400.000	-
Mua hàng			
Mua hàng của Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	Công ty con	3.783.441.062	22.652.722.762
Mua hàng của Công ty CP Thương mại Bắc Việt	Công ty liên kết	65.660.924.002	150.736.237.915
Mua hàng của Công ty CP giao nhận vận chuyển Bắc Việt	Công ty con	-	314.552.868
Mua hàng của Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	Công ty con	13.219.773.379	5.875.311.036
Mua hàng của Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	Công ty con	9.993.273.720	-
Lãi bán hàng trả chậm			
Lãi bán hàng trả chậm công TNHH kết cấu Thép Bắc Việt	Công ty con	9.413.740.249	-
Lãi bán hàng trả chậm công CP Công nghệ Bắc Việt	Công ty con	10.312.592.462	-
Lãi cho vay			
Lãi cho vay công TNHH kết cấu Thép Bắc Việt	Công ty con	23.524.223	-
Lãi cho vay công CP Công nghệ Bắc Việt	Công ty con	67.753.664	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

1.2 Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong năm

Năm 2012

VND

Lương	452.380.000
Tiền thưởng	37.334.000
Cộng	527.048.000

1.3 Số dư với các bên liên quan

Quan hệ với
Công ty

31/12/2012
VND

01/01/2012
VND

Các khoản phải thu

Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	Công ty con	33.225.031.976	55.635.862.436
Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	Công ty con	78.736.238.695	43.476.082.452
Công ty Cổ phần Thương mại Bắc Việt	Công ty liên kết	11.617.863.052	-
Công ty CP Đầu tư & Xây Dựng Hanel	Đầu tư dài hạn khác	503.504.125	503.504.125
Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt	Công ty Con	2.650.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Mừng	Phó phòng Kinh doanh	47.520.000.000	48.000.000.000

Các khoản phải trả

Công ty Cổ phần Thương Mại Bắc Việt	Công ty liên kết	-	779.244.832
-------------------------------------	------------------	---	-------------

2. Những thông tin khác

2.1 Phải thu của khách hàng

31/12/2012
VND

01/01/2012
VND

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện - Nhà máy 2	68.831.400	530.776.525
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Hà	-	219.146.335
Công ty CP Thương mại Bắc Việt	11.617.863.052	-
Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	33.225.031.976	55.635.862.436
Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	78.736.238.695	43.476.082.452
Nhà máy Chế tạo Thiết bị nâng hạ	1.280.406.080	1.280.406.080
Công ty TNHH xây dựng SEOGWOO	482.728.027	-
Công ty TNHH TM và VT Công Nghiệp	100.738.227	141.267.435
Công ty TNHH Nhà thép Tiền Chế Zamil Việt Nam	436.232.720	186.664.720
Các đối tượng khác	2.051.441.101	2.555.715.951
Cộng	127.999.511.278	104.025.921.934

2.2 Trả trước cho người bán

31/12/2012
VND

01/01/2012
VND

Công ty POSCO ASIA CO.,LTD	-	64.471.397
Cộng	-	64.471.397

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

2.3 Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	400.843.600	322.194.681
- Ngô Xuân Thọ	15.000.000	23.000.000
- Tạ Anh Tuấn	144.183.600	94.207.790
- Nguyễn Xuân Khang	15.000.000	10.000.000
- Ngô Xuân Lộc	41.000.000	36.000.000
- Nguyễn Thị Ngọc Hà	6.000.000	22.000.000
- Trần Anh Vương	-	53.986.891
- Nguyễn Văn Mừng	37.750.000	7.750.000
- Vũ Văn Tiến	8.000.000	8.000.000
- Các đối tượng khác	133.910.000	67.250.000
Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	1.505.864.400
Cộng	400.843.600	1.828.059.081
2.4 Phải trả người bán	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty CP Bóng Đá Hoà Phát	55.000.000	55.000.000
Công ty CP Thép Chương Dương	49.907.692	49.907.692
Công ty TNHH TM Đồng Đạt	1.510.995.758	152.221.308
Công ty CPTM Ngũ Phúc	-	71.833.641
CN Công ty CP Tập đoàn Hoa Sen tại HN	-	519.560.472
Công ty TNHH Vĩnh Trường Thịnh	60.000.000	93.168.253
Công ty CP Tập đoàn Hoàng Hà	10.777.708.765	-
Công ty Cổ Phần Kim khí Hà Nội	543.960.000	-
Công ty Salzgitter Mannesmann International	-	13.299.696.489
Công ty Wuxi Zonhai Intl Corporation, ltd	270.137.000	245.169.400
Công ty Cổ phần Thương Mại Bắc Việt	-	779.244.832
Công ty TNHH Công nghiệp Chính Đại	1.255.800.300	-
Các đối tượng khác	71.151.616	2.465.621
Cộng	14.594.661.131	15.268.267.708
2.5 Người mua trả tiền trước	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty THIRI DANA Trading company limited	-	800.649.148
Công ty TNHH Cơ Khí Phương Bắc	-	100.000.000
Công ty Cổ phần CK 4 và Xây dựng Thăng Long	-	100.873.973
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng Hà Nội	2.019.339	-
Các đối tượng khác	2.475.747	142.833.494
Cộng	4.495.086	1.144.356.615

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

2.6 Chi phí bán hàng

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí bảo hành	-	168.861.754
Cộng	-	168.861.754

2.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.621.650.099	3.575.383.200
Chi phí khấu hao TSCĐ	785.606.687	836.934.915
Chi phí dự phòng	550.696.583	(109.155.527)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.615.268.078	7.473.220.937
Cộng	10.573.221.447	11.776.383.525

2.8 Thu nhập khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập khác	31.072	65.000.464
Cộng	31.072	65.000.464

2.9 Chi phí khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí khác	432.868.274	40.259.242
Cộng	432.868.274	40.259.242

2.10 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Kế toán trưởng



Tạ Thu Hằng

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Giám đốc



Trần Anh Vương